

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **166/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-4-2019

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đức Duy

2/ Ông Phạm Thành Trại

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Thúy D**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp P T A, xã P K, huyện C G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Lưu Thanh P**, sinh năm: 1992

Địa chỉ: ấp C H, xã T C N, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Chị D có mặt, anh P có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/02/2019, lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C N, huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh P không chăm lo cho vợ con, thường xuyên đi

sớm về muộn. Chị D và anh P đã ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị D và anh P có 01 con chung tên Lưu An N, sinh ngày 14/9/2016. Hiện cháu đang sống cùng chị D. Khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Lưu Thanh P có đơn xin vắng mặt. Tại bản tự khai đề ngày 05/3/2019 anh P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh P thống nhất theo lời trình bày của chị D về thời gian, điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Anh P và chị D đã ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Nay anh P đồng ý ly hôn với chị D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lưu An N, sinh ngày 14/9/2016. Khi ly hôn anh P đồng ý giao con chung cho chị D nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về hôn nhân: Cho chị D được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Giao cháu Lưu An N, sinh ngày 14/9/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 695.000đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh P khai thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Bị đơn anh Lưu Thanh P có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh P.

[2] – Về nội dung yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Thúy D yêu cầu ly hôn với anh Lưu Thanh P. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chị D và anh P xác lập hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là tuân thủ đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Xét thấy, trong quá trình chung sống giữa chị D và anh P đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, anh P không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị D và anh P trình bày thống nhất anh chị đã ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng vẫn không đưa ra được giải pháp để hàn gắn. Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh P đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị D yêu cầu được ly hôn và anh P đồng ý. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị D là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về con chung: Chị D và anh P khai thống nhất vợ chồng có một con chung tên Lưu An N, sinh ngày 14/9/2016. Chị D yêu cầu được nuôi con và anh P đồng ý giao con chung cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận về con chung giữa chị D và anh P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng. Anh P không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị D. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*” và tại Điều 110 cũng có quy định “*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng con chưa thành niên ...trong trường hợp không sống chung với con...*”. Hiện tại cháu N còn nhỏ và đang được chị D chăm sóc, nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử cần buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N theo quy định pháp luật. Mức cấp dưỡng chị D yêu cầu là 1.000.000đồng/tháng hoàn toàn phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh P trình bày thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với một phần nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ điểm Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 80, 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy D.

- Chị Nguyễn Thị Thúy D được ly hôn với anh Lưu Thanh P.

- Về con chung: Giao cháu Lưu An N, sinh ngày 14/9/2016 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng/tháng. Bắt đầu thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy D phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị D đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009328 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã nộp xong án phí.

Anh P phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- UBND xã T C N;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh